BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

ĐÀM THỊ NGỌC NGÀ

CẶP THOẠI HỎI - TRẢ LỜI, CẦU KHIẾN - HỒI ĐÁP TRONG KỊCH LƯU QUANG VŨ

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN

NGHỆ AN - 2016

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Kịch là một thể loại đặc biệt; ngôn ngữ kịch vừa mang đặc điểm của khẩu ngữ lại vừa mang đặc điểm của văn học nghệ thuật. Xét sâu về mặt ngôn ngữ, kịch nói có đặc trưng là hệ thống đối thoại của các nhân vật chiếm ưu thế nhiều hơn thơ và văn xuôi. Tuy nhiên, việc nghiên cứu ngôn ngữ tác phẩm kịch từ góc độ ngữ dụng học lại còn ít. Vì vậy, chọn nghiên cứu cặp thoại tương tác trong lời thoại nhân vật kịch là một việc làm cần thiết để góp phần bổ sung lý thuyết về ngôn ngữ hội thoại, ngôn ngữ giao tiếp trong văn bản nghệ thuật cũng như trong khẩu ngữ.

1.2. Nói đến ngôn ngữ nhân vật là nói đến các hoạt động nói năng của nhân vật khi tham gia giao tiếp. Vì vậy, ngôn ngữ nhân vật trong kịch có những đặc điểm gần gũi giống với ngôn ngữ của đời sống. Nhưng đồng thời chúng lại có những nét đặc sắc riêng của thể loại kịch và thể hiện ý định của nhà văn. Thông qua ngôn ngữ nhân vật, Lưu Quang Vũ muốn phát biểu những quan niệm của mình về thời đại, về sứ mệnh lịch sử.

1.3. Từ trước đến nay, việc nghiên cứu lời thoại nhân vật chỉ dừng lại ở cấu trúc và ngữ nghĩa của các hành động ngôn ngữ một cách độc lập, chưa đặt chúng trong mối quan hệ với hành động trả lời khi tham gia giao tiếp. Chúng tôi đi sâu tìm hiểu sự tương tác của các cặp thoại hỏi - trả lời, cầu khiến - hồi đáp nhằm góp phần làm rõ được hiệu quả của ngôn ngữ hội thoại trong văn bản kịch. Qua khảo sát, cặp thoại hỏi - trả lời, cầu khiến - hồi đáp xuất hiện với tần số cao, có khả năng phát triển cốt truyện kịch nhất. Vì vậy, việc nghiên cứu đặc điểm các cặp thoại trong kịch Lưu Quang Vũ sẽ góp phần giúp chúng ta lý giải được phần nào những giá trị đích thực mà Lưu Quang Vũ muốn gửi đến độc giả.

1.4. Trong những năm 1980, nhà viết kịch Lưu Quang Vũ được biết đến như một hiện tượng đặc biệt. Kịch của ông đã chiếm lĩnh sân khấu, chinh phục khán giả cả nước và giành được nhiều giải thưởng tại các hội diễn và liên hoan sân khấu toàn quốc. Nhiều vở kịch của ông đã tạo được dư luận, đề cập đến nhiều vấn đề nhạy cảm của xã hội đương thời. Lưu Quang Vũ là một trong những người đi tiên phong trong phong trào đổi mới văn hoá, văn nghệ, dùng ngòi bút của mình khẳng định những giá trị tốt đẹp của con người và xã hội. Năm 2000, Lưu Quang Vũ đã được Nhà nước Việt Nam truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học và nghệ thuật. Cho đến nay, đã có một số công trình nghiên cứu với những cách tiếp cận riêng nhằm phân tích, đánh giá kịch Lưu Quang Vũ nhưng chưa có đề tài nào đi sâu tìm hiểu sự tương tác lời thoại qua các cặp trao - đáp từ góc nhìn của lí thuyết hội thoại. Vì vậy, chúng tôi đã chọn đề tài: **"Cặp thoại hỏi - trả lời, cầu khiến - hồi đáp trong kịch Lưu Quang Vũ".**

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Để làm sáng tỏ đặc điểm cặp thoại hỏi - trả lời, cầu khiến - hồi đáp, cấu tạo và ngữ nghĩa của chúng qua việc mô tả, phân tích các tham thoại trao, tham thoại đáp của các nhân vật kịch trong sự tương tác. Đề tài của chúng tôi hướng đến mục đích bổ sung lý thuyết hội thoại, lý thuyết về ngôn ngữ kịch hiện đại và chỉ ra một số biểu hiện về phong cách nghệ

thuật tác giả, nghệ thuật sử dụng ngôn từ của nhà văn trong sáng tác của mình, giúp ích trong giảng dạy và học tập về ngôn ngữ kịch.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu trên, luận án thực hiện các nhiệm vụ:.

- Trình bày tổng quan tình hình nghiên cứu về kịch Lưu Quang Vũ và cơ sở lý luận làm nền tảng triển khai nội dung luận án.

- Thống kê, miêu tả, phân tích cặp thoại hỏi - trả lời, cầu khiến - hồi đáp trong kịch Lưu Quang Vũ về đặc điểm cấu trúc, ngữ nghĩa và phân tích vai trò của cặp thoại hỏi - trả lời, cầu khiến - hồi đáp trong kịch Lưu Quang Vũ.

- Phân tích, mô tả hệ thống từ ngữ xưng hô qua cặp thoại hỏi - trả lời, cầu khiến - hồi đáp trong kịch Lưu Quang Vũ và rút ra những đặc điểm riêng trong cách sử dụng từ xưng hô của Lưu Quang Vũ.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Từ 5 tác phẩm kịch tiêu biểu của Lưu Quang Vũ, chúng tôi chỉ chọn 3.324 lượt thoại gồm 1.662 cặp trao - đáp của các nhân vật giao tiếp trong các ngữ cảnh khác nhau làm đối tượng nghiên cứu.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Chúng tôi chọn 5 tác phẩm kịch tiêu biểu của Lưu Quang Vũ sau đây: Hồn Trương Ba, da hàng thịt (1981), Tôi và Chúng ta (1984), Nếu anh không đốt lửa (1986), Lời thề thứ chín (1988), Điều không thể mất (1988)

4. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện đề tài này, chúng tôi sử dụng các phương pháp, thủ pháp sau: Phương pháp phân tích diễn ngôn; Phương pháp thống kê, phân loại; Phương pháp so sánh và một số thủ pháp nghiên cứu khác.

5. Đóng góp của luận án

Về lí luận, đề tài góp phần bổ sung lí thuyết ngữ dụng học (thể hiện trong tác phẩm văn học kịch). Về thực tiễn, đề tài góp phần nghiên cứu lời thoại nhân vật trong sự tương tác của cặp thoại thoại hỏi - trả lời, cầu khiến - hồi đáp trong kịch Lưu Quang Vũ; hệ thống đầy đủ các từ ngữ xưng hô trong lời thoại nhân vật qua cặp thoại hỏi - trả lời, cầu khiến - hồi đáp trong kịch Lưu Quang Vũ.

6. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Tài liệu tham khảo, luận án gồm 4 chương:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lí thuyết liên quan đến đề tài

Chương 2. Đặc điểm cặp thoại hỏi - trả lời qua lời thoại nhân vật trong kịch Lưu Quang Vũ

Chương 3. Đặc điểm cặp thoại cầu khiến - hồi đáp qua lời thoại nhân vật trong kịch Lưu Quang Vũ

Chương 4. Từ ngữ xưng hô qua cặp thoại hỏi - trả lời, cầu khiến - hồi đáp trong kịch Lưu Quang Vũ.

Chương 1
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÍ THUYẾT LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu về kịch Lưu Quang Vũ

1.1.1. Nghiên cứu chung về phong cách nghệ thuật kịch Lưu Quang Vũ

Kịch Lưu Quang Vũ, từ lâu đã có khá nhiều bài viết đi sâu phân tích, nhận xét, đánh giá về kịch của ông, đặc biệt là từ sau Hội diễn sân khấu toàn quốc năm 1985. Các công trình của tác giả: Ngô Thảo, Cao Minh, Hà Diệp, Vũ Thị Khánh, Phan Ngọc, Phan Trọng Thưởng, Lưu Khánh Thơ, Lý Hoài Thu, Lê Hương Giang,... đã đi sâu nghiên cứu phong cách nghệ thuật kịch của Lưu Quang Vũ.

1.1.2. Nghiên cứu về một tác phẩm kịch cụ thể của Lưu Quang Vũ

Các tác giả: Nguyễn Thị Minh Thái, Trần Trọng Đăng Đàn, Đặng Hiển, Trần Việt, Tào Mạt, Huy Liên, Lưu Khánh Thơ, Vũ Quang Vinh... đã phân tích, khám phá, lý giải, đánh giá giá trị của một số tác phẩm cụ thể, qua đó, các tác giả chỉ ra những đóng góp quan trọng của nhà văn đối với nền kịch nói Việt Nam hiện đại.

Điểm lại những bài viết, công trình nghiên cứu về kịch Lưu Quang Vũ, chúng tôi nhận thấy chưa có đề tài nào đi sâu nghiên cứu cặp thoại hỏi - trả lời, cầu khiến - hồi đáp trong kịch Lưu Quang Vũ.

1.2. Cơ sở lí thuyết

1.2.1. Lí thuyết hội thoại

1.2.1.1. Khái niệm hội thoại

Việc nghiên cứu ngôn ngữ hội thoại, ngôn ngữ lời nói đã được nhiều nhà ngôn ngữ học trên thế giới quan tâm như: Ch.W.Morris (1938), J.Austin (1962), J. Searle (1969), D.Humer (1972, H.P.Grice (1978), C.S. Dik (1989), J.Thomas (1995),...

Ở Việt Nam, trong những năm gần đây, các nhà ngôn ngữ học cũng đã đi sâu tìm hiểu vấn đề hội thoại trên nhiều bình diện khác nhau như: Đỗ Hữu Châu, Nguyễn Đức Dân, Nguyễn Thiện Giáp, Đỗ Thị Kim Liên...và đều thống nhất: Hội thọai là hoạt động giao tiếp căn bản nhất, phổ biến nhất của sự hành chức ngôn ngữ.

1.2.1.2. Vận động hội thoại

Vận động hội thoại bao gồm ba nhân tố: trao lời (người nói, Sp1), đáp lời (người nghe, Sp2) và tương tác. Trong cuộc thoại, hai vai nói, nghe thường luân chuyển, Sp1 sau khi nói xong chuyển thành vai nghe Sp2 và ngược lại. Trao lời, đáp lời, tương tác là vận động đặc trưng cho cuộc hội thoại.

1.2.1.3. Các dạng hội thoại

Có 4 dạng: đơn thoại, song thoại, tam thoại, đa thoại.

Trong kịch của Lưu Quang Vũ, các dạng thoại trên không chỉ xuất hiện độc lập mà nhiều khi, trong một cuộc hội thoại, chúng xuất hiện một cách đồng thời: có khi độc thoại xen song thoại, đơn thoại xen đa thoại… Qua quá trình khảo sát, chúng tôi nhận thấy, số lượng nhân vật tham gia hội thoại nhiều, nhưng song thoại là dạng hội thoại cơ bản trong đa

số các cuộc thoại ở kịch của Lưu Quang Vũ. Vì thế, luận án sẽ tập trung đi sâu phân tích các cặp trao - đáp của dạng song thoại.

1.2.1.4. Cấu trúc hội thoại

a. Cuộc thoại

Cuộc thoại là đơn vị hội thoại lớn nhất bao trùm, tính từ khi các thoại nhân gặp nhau, khởi đầu nói cho đến lúc chấm dứt. Mỗi cuộc thoại bao giờ cũng có lúc bắt đầu và lúc kết thúc, chúng làm nên ranh giới của một cuộc thoại. Thông thường, trên bề mặt hình thức, có phần mở thoại, thân thoại, kết thoại.

b. Đoạn thoại

Đoạn thoại là một đoạn của cuộc thoại do một hoặc một số cặp thoại liên kết với nhau về đề tài và về đích có tính hoàn chỉnh bộ phận để có thể cùng các đoạn thoại khác làm cho cuộc thoại thành công (đạt được đích).

Trong những cuộc thoại nghi thức và chuẩn mực thì cuộc thoại do các đoạn thoại tạo nên, gồm: đoạn thoại mở đầu (mở thoại), đoạn thoại thân cuộc thoại (thân thoại), đoạn thoại kết thúc (kết thoại). Thông thường, đoạn mở và kết thoại có cấu trúc tương đối ổn định, dễ nhận ra hơn các đoạn thoại tạo nên thân thoại.

c. Cặp thoại

c1. Khái niệm

Cặp thoại là đơn vị lưỡng thoại tối thiểu nhưng chưa phải là đơn vị cuối cùng. Nó là cặp thoại kế cận, nằm ở vị trí trung gian giữa tham thoại, đơn vị bậc dưới và đoạn thoại, đơn vị bậc trên. Luận án tiếp thu quan điểm của tác giả Đỗ Thị Kim Liên khi đi vào tìm hiểu cặp thoại trong kịch Lưu Quang Vũ: Cặp thoại là đơn vị lưỡng thoại tối thiểu, cũng tức là cặp thoại kế cận, gồm hành vi dẫn nhập và hành vi hồi đáp.

c2. Cặp thoại hỏi - trả lời

Trong kịch Lưu Quang Vũ, cặp thoại hỏi - trả lời xuất hiện nhiều nhất, có vai trò quan trọng trong việc phát triển cốt truyện kịch. Cặp thoại hỏi - trả lời là cặp thoại có tham thoại trao chứa hành động hỏi, tham thoại đáp chứa hành động trả lời. Tham thoại trao chứa hành động hỏi có thể chỉ có 1 hành động hỏi, cũng có thể có một số hành động, trong đó hành động hỏi là hành động chính. Tham thoại đáp có thể chỉ có một hành động trả lời trực tiếp vào nội dung hành động hỏi, cũng có thể có một số hành động.

c3. Cặp thoại cầu khiến - hồi đáp

Cặp thoại cầu khiến - hồi đáp là cặp thoại có tham thoại trao chứa hành động cầu khiến và tham thoại đáp chứa hành động hồi đáp. Tham thoại trao chứa hành động cầu khiến có thể chỉ có 1 hành động cầu khiến, cũng có thể có một số hành động, trong đó, hành động cầu khiến là hành động chính. Tham thoại đáp có thể chỉ có một hành động hồi đáp trực tiếp vào nội dung hành động cầu khiến, cũng có thể có một số hành động.

Như vậy, sự hiện diện các cặp thoại linh hoạt, đa dạng về kết cấu, nhưng chúng ta thường gặp khi hội thoại hai nhân vật có lời trao sẽ có lời đáp, có lời hỏi sẽ có câu trả lời, có lời cầu khiến thì sẽ có lời đồng ý/từ chối/lấp lửng. Như vậy, mới tạo nên một chu trình giao tiếp khép kín.

d. Tham thoại

Tham thoại là đơn vị đơn thoại do một cá nhân nói ra cùng với tham thoại khác lập thành một cặp. Tham thoại được tính từ khi bắt đầu nói đến khi kết thúc. Tham thoại là đơn vị trực tiếp cấu thành cặp thoại. Tham thoại có thể trùng, lớn hơn hoặc nhỏ hơn lượt lời. Một tham thoại do một hoặc một số hành động ngôn ngữ tạo nên. Nếu tham thoại do nhiều hành động ngôn ngữ tạo nên thì tham thoại đó sẽ chứa một hành động nòng cốt (chủ hướng - CH) và các hành động phụ thuộc (PT). Xét về tiêu chí cấu tạo, chúng ta có tham thoại đơn và tham thoại phức.

Tìm hiểu các cặp thoại cầu khiến - hồi đáp, hỏi - trả lời của nhân vật trong kịch Lưu Quang Vũ, chúng tôi thấy, trong lời nhân vật không chỉ có tham thoại đơn mà còn có cả tham thoại phức. Vì vậy, chúng tôi đi sâu phân tích cả hai loại tham thoại đơn và phức.

1.2.1.5. Các nhân tố chi phối hội thoại

a. Ngữ cảnh giao tiếp

Đã có nhiều nhà nghiên cứu đưa ra định nghĩa ngữ cảnh: Đỗ Hữu Châu, Đinh Trọng Lạc, Trần Thị Thìn, Đỗ Thị Kim Liên... theo nghĩa hẹp và nghĩa rộng. Mặc dù có chỗ chưa đồng nhất trong quan niệm ngữ cảnh nhưng chúng ta thấy các tác giả đều thống nhất ở chỗ coi ngữ cảnh là nhân tố chi phối, ảnh hưởng đến nội dung giao tiếp của nhân vật.

b. Nội dung giao tiếp

Trong giao tiếp, nội dung của hành động ngôn từ gồm hai nhân tố: a) nội dung thông tin (nội dung miêu tả), là nội dung trí tuệ, hình thành do quan hệ giữa diễn ngôn và hiện thực được nói tới, đây là thành tố nghĩa học, bị quy định bởi tính đúng - sai lôgic; b) nội dung do quan hệ liên cá nhân, là nội dung được suy ra do quan hệ, sự hiểu biết giữa các nhân vật giao tiếp để từ đó, ta suy ra nghĩa đúng của lời nhân vật. Nghĩa liên nhân này không bị quy định bởi tính đúng - sai lôgic.

c. Mục đích giao tiếp

Trong cuộc thoại, ngoài mục đích chung cần đạt được, mỗi cá nhân tham gia hội thoại lại có những đích riêng. Mục đích giao tiếp chính là cái mà người nói mong muốn đạt đến trong giao tiếp.

1.2.2. Lí thuyết hành động ngôn ngữ

1.2.2.1. Khái niệm hành động ngôn ngữ

Lý thuyết hành động ngôn ngữ đã được các nhà nghiên cứu nước ngoài cũng như trong nước quan tâm nghiên cứu từ lâu. Để thực hiện đề tài luận án, chúng tôi đã dựa vào quan niệm về hành động ngôn ngữ của J.Searle để làm cơ sở cho việc tìm hiểu các loại hành động ngôn ngữ qua lời thoại nhân vật trong kịch Lưu Quang Vũ. Đó là những hành động được các nhân vật thực hiện đồng thời với lời nói trong một ngữ cảnh để đạt được mục đích nhất định.

1.2.2.2. Điều kiện để xét hành động ngôn ngữ

Có 4 quy tắc (điều kiện) sử dụng hành động ở lời: điều kiện nội dung mệnh đề, điều kiện chuẩn bị, điều kiện chân thành, điều kiện căn bản.

1.2.2.3. Phân loại hành động ngôn ngữ

Phân loại hành động ngôn ngữ đã và đang được nhiều người quan tâm vì tính chất phức tạp của nó. Luận án chọn cách phân loại của J.R. Searle thành 5 nhóm lớn: tái hiện, điều khiển, cam kết, biểu cảm, tuyên bố. Chúng tôi dựa vào 5 nhóm lớn do Searle đưa ra để xác định các hành động ở lời của kịch Lưu Quang Vũ.

1.2.2.4. Hành động ngôn ngữ trực tiếp và gián tiếp

Hành động ngôn ngữ trực tiếp là hành động được thực hiện đúng với đích ở lời, có sự tương ứng giữa cấu trúc bề mặt với hiệu lực mà nó gây nên. Còn hành động ngôn ngữ gián tiếp một hành vi trong đó người nói thực hiện một hành vi ở lời này nhưng lại nhằm làm cho người nghe dựa vào những hiểu biết về ngôn ngữ chung cho hai người, suy ra hiệu lực ở lời của một hành vi khác.

1.2.3. Khái niệm cấu trúc và nghĩa

1.2.3.1. Khái niệm cấu trúc

Sau khi trình bày các quan niệm về cấu trúc của các tác giả: I.U. Mai Ngọc Chừ, Hoàng Trọng Phiến, Vũ Đức Nghiệu, Nguyễn Thiện Giáp, Diệp Quang Ban..., với hướng nghiên cứu của luận án, chúng tôi sử dụng thuật ngữ cấu trúc theo quan niệm của tác giả I.U. Xtepanop: Cấu trúc là tổng thể các quan hệ giữa các yếu tố tạo nên hệ thống.

Trong ngữ liệu khảo sát của chúng tôi, cấu trúc cặp tham thoại có mục đích: a) cầu khiến - hồi đáp và b) hỏi - trả lời có thể gồm một hoặc một số hành động ngôn ngữ được thể hiện bằng các biểu thức ngữ vi chuyên dụng. Đặc điểm để nhận ra là chúng được tồn tại ở một dạng thoại, từ khi mở thoại đến khi kết thúc (còn gọi là lượt lời, phát ngôn).

1.2.3.2. Khái niệm nghĩa

Nghiên cứu về *nghĩa* trong ngôn ngữ, các tác giả trong và ngoài nước đã có những cách hiểu khác nhau, theo những hướng khác nhau: Ở nước ngoài, luận án đã dẫn ra quan niệm của các tác giả John Lyons, Dik Geeraerts, H.Paul... về nghĩa và phân tích cho thấy quan niệm của các tác giả không có được sự thống nhất. Tuy vậy, chúng tôi nhận thấy cách quan niệm nghĩa theo hướng của H. Paul là rất đáng lưu tâm và cần thiết cho việc phân tích nghĩa của các đơn vị ngôn ngữ (từ, câu, văn bản) trong sử dụng. Ở Việt Nam, luận án đã dẫn ra quan niệm của các tác giả Cao Xuân Hạo, Đỗ Thị Kim Liên, Lê Quang Thiêm... và thống nhất rằng: ngôn ngữ học nói chung và ngữ nghĩa học nói riêng đã nghiên cứu nghĩa của tất cả các cấp độ ngôn ngữ.

1.3. Ngôn ngữ kịch và hành động ngôn ngữ trong kịch Lưu Quang Vũ

1.3.1. Ngôn ngữ kịch

Ngôn ngữ là phương tiện rất quan trọng để bộc lộ hành động kịch. Trong kịch không có nhân vật người kể chuyện nên không có ngôn ngữ người kể chuyện. Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nhân vật kịch phải là ngôn ngữ mang tính hành động, tính khẩu ngữ, tính hàm súc và tính tổng hợp cao, đồng thời lại phải phù hợp với tính cách nhân vật. Ngôn ngữ kịch gần gũi với khẩu ngữ, lời ăn tiếng nói hàng ngày. Nó mang tính chất khẩu ngữ chứ không biến thành khẩu ngữ thuần túy. Có 3 dạng ngôn ngư: đối thoại, độc thoại, bàng thoại.

Ngôn ngữ trong kịch Lưu Quang Vũ chủ yếu là dạng đối thoại từ đầu đến cuối vở kịch, đây chính là dạng thoại mà luận án của chúng tôi đi sâu phân tích.

1.3.2. Hành động kịch

Quá trình diễn biến của xung đột kịch được cụ thể hoá bằng hành động kịch. Đối với thể loại kịch, hành động là yếu tố cốt lõi tạo nên các mâu thuẫn, xung đột. *Hành động* (kịch) là những hoạt động bao gồm cả ngôn ngữ, cử chỉ, thái độ, quan hệ... của con người trong cuộc sống xung quanh. Trong kịch, hành động được thể hiện chủ yếu qua ngôn ngữ (cặp thoại trao - đáp của nhân vật), có thể có dạng độc thoại. Tiến hành khảo sát 1.662 cặp thoại trong 5 tác phẩm kịch của Lưu Quang Vũ, có 4.839 hành động ngôn ngữ của 5 nhóm. Trong đó, nhóm điều khiển có số lượng nhiều nhất 1.788/4.839 HĐNN, chiếm tỷ lệ 36,95%; thứ 2 là nhóm hành động tái hiện xuất hiện 1.734/4.839 HĐNN, chiếm tỷ lệ 35,83%; thứ ba là nhóm biểu cảm với 962/4.839 HĐNN (19.88%); thứ 4 là nhóm tuyên bố 300/4.839 HĐNN (6,20%); cuối cùng là nhóm cam kết với 55/4.839 HĐNN (1,14%).

Từ 5 nhóm lớn, chúng tôi đã phân thành 18 tiểu nhóm và dựa vào số lần xuất hiện của mỗi loại hành động, chúng tôi chỉ tập trung phân tích những cặp thoại chứa các hành động tiêu biểu, có số lần xuất hiện nhiều, có giá trị chuyển tải dụng ý nghệ thuật của tác giả. Theo đó, cặp thoại chứa hành động cầu khiến - hồi đáp, hỏi - trả lời sẽ là cặp thoại trung tâm được nghiên cứu trong luận án.

1.4. Vài nét tổng quan về cuộc đời và sự nghiệp kịch của Lưu Quang Vũ

Lưu Quang Vũ sinh ngày 17/4/1948 tại xã Thiệu Cơ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ. Lưu Quang Vũ bắt đầu sự nghiệp sáng tác bằng thơ. Tuy nhiên, tên tuổi của Lưu Quang Vũ lại gắn liền với các tác phẩm kịch. Trong khoảng thời gian gần 10 năm, Lưu Quang Vũ đã sáng tác được hơn 50 vở kịch và được xem là cây bút vàng của kịch trường Việt Nam. Lưu Quang Vũ là một trong những người đi tiên phong trong phong trào đổi mới văn hoá, văn nghệ, dùng ngòi bút của mình đem lại những điều tốt đẹp cho con người và xã hội. Với những đóng góp to lớn của mình, Lưu Quang Vũ đã được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học và Nghệ thuật năm 2000.

1.5. Tiểu kết chương 1

Trên đây là những tổng quan tình hình nghiên cứu và những vấn đề lí thuyết liên quan trực tiếp đến đề tài của luận án. Chúng tôi vận dụng các cơ sở lí thuyết này trong việc khảo sát, thống kê, phân tích và lí giải những đặc điểm cơ bản về cấu trúc, ngữ nghĩa của các cặp thoại hỏi - trả lời, cầu khiến - hồi đáp trong kịch Lưu Quang Vũ.

Chương 2
ĐẶC ĐIỂM CẶP THOẠI HỎI - TRẢ LỜI QUA LỜI THOẠI NHÂN VẬT TRONG KỊCH LƯU QUANG VŨ

2.1. Khái niệm câu hỏi, phát ngôn hỏi và hành động hỏi

2.1.1. Khái niệm câu hỏi, phát ngôn hỏi

Luận án trình bày khái niệm câu hỏi của các tác giả Nguyễn Kim Thản, Nguyễn Thiện Giáp, Hoàng Văn Thung, Lê A, Đỗ Thị Kim Liên,... và xác định khái niệm câu hỏi theo quan điểm của nhóm tác giả Bùi Tất Tươm, Nguyễn Văn Bằng, Hoàng Xuân Tâm cho rằng: Câu nghi vấn là câu có lực ngôn trung yêu cầu một câu trả lời thông báo về một sự tình hoặc một phần của sự tình được tiền giả định là hiện thực. Còn phát ngôn hỏi là hiện thực hóa câu hỏi trong hoạt động lời nói.

2.1.2. Khái niệm hành động hỏi

- Hành động hỏi là hành động ngôn ngữ mà Sp2 sử dụng để nêu lên một sự chất vấn về những điều chưa biết hoặc cần làm sáng rõ và trực tiếp chờ Sp2 đáp lời.

- Chúng tôi dựa vào cách phân loại và những điều kiện để thực hiện hành động hỏi của J. Searle để tiến hành tìm hiểu hành động hỏi trong kịch Lưu Quang Vũ.

2.2. Cấu trúc cặp thoại hỏi - trả lời trong kịch Lưu Quang Vũ

2.2.1. Cấu trúc tham thoại trao chứa hành động hỏi và cấu trúc của biểu thức ngữ vi chứa hành động hỏi

2.2.1.1. Cấu trúc tham thoại chứa hành động hỏi

a. Hành động hỏi đứng độc lập: có số lượng 315 lượt (46,7%)

Hành động hỏi đứng độc lập được sử dụng khi ngữ cảnh đã xác định, một trong các nhân vật đưa ra hành động hỏi để nhằm hướng đến người nghe, hy vọng (muốn) người nghe xác nhận thông tin hoặc cung cấp thông tin. Trong những trường hợp này, hành động hỏi trong có kết cấu ngắn gọn: *Đi đâu vậy? Nghĩ gì? Nghĩa là sao? ở đâu?*...

b. Hành động hỏi có hành động đi kèm: có số lượng 359 lượt (53,3%)

- Các hành động đi kèm: hỏi + đề nghị/ hỏi + thông báo/ hỏi + yêu cầu/ hỏi + trình bày/ hỏi + giải thích/ hỏi + chào/ hỏi + nhận xét/ hỏi + bộc lộ... Bên cạnh đó, cũng có những tham thoại có đến nhiều hành động đi kèm: hỏi + đồng ý + trình bày + nhận xét, hỏi + yêu cầu + trình bày...

- Các hành động đi kèm nhằm mục đích giải thích hoặc trình bày rõ hơn cho vấn đề còn thắc mắc của chủ ngôn.

- Hành động hỏi có thể đứng đầu, đứng giữa hoặc đứng cuối tham thoại cho thấy khả năng linh hoạt trong việc tổ chức lời thoại của tác giả. Không nhất thiết ở một vị trí ổn định và có thể thay đổi cách kết hợp.

2.2.1.2. Cấu trúc của biểu thức ngữ vi chứa hành động hỏi

a. Hành động hỏi có dạng đầy đủ: Người nói đưa ra những thông tin cần được làm rõ và hướng đến người nghe một cách chủ đích, rõ ràng bằng các yếu tố xưng hô đầy đủ. Dạng

này xuất hiện không nhiều trong kịch Lưu Quang Vũ và thường là lời của người ít tuổi hoặc của người thấp hơn về vị thế, nghề nghiệp.

D1 + V(vtnh) + D2 + P?

Trong đó: D1 là chủ thể sự tình (chủ ngôn SP1); D2: chủ thể tiếp nhận (SP2)

V: là vị từ ngôn hành hỏi; P: nội dung mệnh đề

b. Hành động hỏi có dạng không đầy đủ:

- Thành phần rút gọn có thể là chủ thể sự tình (Sp1), động từ ngữ vi (V), chỉ còn lại chủ thể tiếp nhận (Sp2), nội dung sự tình và phụ từ để hỏi.

Ø (D1): D2+P ?

- Thành phần rút gọn có thể là chủ thể sự tình (Sp1), chủ thể tiếp nhận (Sp2), động từ ngữ vi (V), chỉ còn nội dung mệnh đề và ngữ điệu.

Ø (D1): Ø (V(vtnh)) + **Ø (D2)** + P?

- Thành phần rút gọn có thể là chủ thể sự tình (Sp1), chủ thể tiếp nhận (Sp2), nội dung mệnh đề, chỉ còn lại đại từ nghi vấn.

Ø (D1): V(vtnh)) + **Ø (D2) + Ø** P?

2.2.1.3. Phương tiện cấu tạo hành động hỏi

- Dùng từ tình thái ***à, chứ, nhỉ, ư…*** đặt ở cuối câu để hỏi.

- Dùng phụ từ hoặc cặp phụ từ, tổ hợp từ nghi vấn ***phải không, đúng không, có phải không...*** để hỏi.

- Dùng đại từ ***sao, nào, gì, đâu, bao giờ...*** để hỏi

- Dùng quan hệ từ ***hay, hoặc*** để hỏi

2.2.2. Cấu trúc tham thoại hồi đáp trong sự tương tác với tham thoại trao chứa hành động hỏi

- Tham thoại hồi đáp chỉ có một hành động: có số lượng 483 HĐNN, chiếm 72%, tập trung vào việc trả lời nội dung hành động hỏi của chủ ngôn. Các hành động được dùng nhiều để đáp lại là hành động trình bày, giải thích, thông báo. Các hành động khác như: phủ định, khẳng định, hỏi, giới thiệu... cũng xuất hiện tuy tần số không nhiều.

- Tham thoại hồi đáp có nhiều hành động: số lượng 191, chiếm 18%. Các tham thoại đáp này không chỉ trả lời nội dung hành động hỏi mà còn thực hiện những hành động khác. Các hành động thường dùng là: giải thích + phủ định, đề nghị + giải thích + trình bày, thông báo + giải thích, khẳng định + giải thích + mời + giới thiệu...

2.3. Ngữ nghĩa của cặp thoại hỏi - trả lời trong kịch Lưu Quang Vũ

2.3.1. Ngữ nghĩa của hành động hỏi trong kịch Lưu Quang Vũ

Ngữ nghĩa của hành động hỏi thường thể hiện ở những từ nghi vấn, hoặc ở ngữ điệu gắn với ngữ cảnh. Nhưng thông tin gửi đến người nghe vẫn chưa rõ nếu thiếu hành động trả lời. Một chu trình giao tiếp khép kín, đầy đủ là khi phải có hành động đáp. Vì thế, chúng tôi sẽ nêu ra ngữ nghĩa của hành động trả lời trong mối quan hệ với hành động hỏi.

2.3.2. Ngữ nghĩa của hành động trả lời trong sự tương tác với hành động hỏi

a. Hồi đáp thể hiện nhận thức, thái độ, tình cảm của đối tượng: Đây là nhóm ngữ nghĩa có số lượng nhiều nhất trong cặp thoại hỏi - trả lời với 235/674 hành động, chiếm tỷ lệ 34,8%, đây cũng chính là một trong những phương diện chủ đạo mà nhân vật hướng tới.

b. Hồi đáp thể hiện thông tin đời tư của đối tượng: Đây là nhóm ngữ nghĩa thứ hai, có số lượng 225/674 hành động, chiếm tỷ lệ 33,4%. Chủ yếu tập trung hỏi về tên, tuổi, vị trí của đối tượng, tình trạng hiện tại của đối tượng.

c. Hồi đáp thể hiện nội dung công việc của đối tượng: Xuất hiện tương đối nhiều trong kịch Lưu Quang Vũ (202 lượt, chiếm 30%). Kịch Lưu Quang Vũ thể hiện rất rõ các mối quan hệ, phần nhiều nó được hình thành từ công việc chung của các đối tượng. Có thể chỉ một hành động là rõ về nội dung nhưng cũng có những nội dung công việc phức tạp nên các nhân vật liên tục dùng các hành động hỏi để cụ thể hơn nữa.

d. Hồi đáp thể hiện tư tưởng, quan điểm của đối tượng: Đây là nhóm chiếm số lượng ít nhất chỉ 12/674 hành động, có tỷ lệ 1,8%, thường hướng đến những vấn đề thuộc về quan điểm của đối tượng giao tiếp chứ không phải những câu hỏi về miếng cơm manh áo hàng ngày.

Như vậy, dựa vào hai tiêu chí chủ thể thực hiện hành động hỏi và nội dung ngữ nghĩa được đề cập trong lời nhân vật, chúng tôi xác định các nhóm ngữ nghĩa hành động hỏi qua lời thoại nhân vật trong truyện kịch Lưu Quang Vũ. Trong đó, nhóm ngữ nghĩa hỏi về nhận thức, thái độ, tình cảm của đối tượng được đề cập nhiều hơn cả. Có thể khẳng định, muốn làm rõ một vấn đề nào đấy mà mình chưa biết thì sử dụng hành động hỏi là phương thức hữu hiệu nhất.

2.4. Vai trò cặp thoại hỏi - trả lời trong kịch Lưu Quang Vũ

2.4.1. Cặp thoại hỏi - trả lời góp phần tạo nên cao trào, làm gia tăng tính kịch cho tác phẩm

- Kịch Lưu Quang Vũ hấp dẫn nhất là khi các nhân vật tranh luận với nhau, đấu tranh để bảo vệ quan điểm của mình. Những lúc ấy, ngôn ngữ chính luận đạt đến độ cao sắc sảo nhất và kịch tính cũng được đẩy lên mức độ cao nhất. Kịch tính của kịch bắt đầu khi các nhân vật có tư tưởng, hành động, tính cách và lợi ích trái ngược nhau. Mỗi khi như vậy, hành động hỏi được sử dụng một cách liên tục.

- Kịch tính được xem là đặc điểm của nội dung thể loại kịch. Kịch tính càng cao thì sức hấp dẫn của kịch càng mạnh. Hành động hỏi có vai trò quan trọng trong việc tạo ra các tình huống kịch, vì qua các hành động hỏi, các nhân vật mới có điều kiện để bộc lộ quan điểm, tư tưởng của tác giả - chủ thể sáng tạo. Sự đồng thuận hay mâu thuẫn nhờ đó mà mới bộc lộ ra ngoài. Đây cũng chính là sự khác biệt giữa hành động hỏi - trả lời trong kịch với trong lời ăn tiếng nói hàng ngày.

2.4.2. Sử dụng hành động hỏi ở lời đáp trong quan hệ với hành động hỏi ở lời trao tạo nên tính chất "mở" của tác phẩm

- Nhiều vở kịch của Lưu Quang Vũ, dù đã kết thúc nhưng những vấn đề được đặt ra trong tác phẩm chưa được giải quyết triệt để, xung đột kịch vẫn còn. Nằm trong mạch kết

cấu ấy của tổng thể, các cặp trao - đáp cũng có cấu tạo theo hướng mở, chính cấu tạo mở này tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiến triển cốt truyện của kịch.

- Bên cạnh việc trả lời cho nội dung của tham thoại trao thì tham thoại đáp thường dùng những câu hỏi mang màu sắc chất vấn, tranh luận. Vì thế, cặp thoại này có thể khép lại nhưng lại là sự bắt đầu cho một cặp thoại khác.

- Lối kết cấu mở này không chỉ được dùng trong cấu tạo các cặp thoại tương tác mà chúng ta còn thấy nó được dùng để kết thúc tác phẩm: *Tôi và chúng ta, Lời thề thứ chín, Điều không thể mất...*

Như vậy, với lối kết cấu mở bằng các hành động hỏi, khán giả có thể có nhiều tầng suy nghĩ khác nhau cho cùng một sự việc và vì thế kịch của Lưu Quang Vũ luôn ở trong sự vận động, luôn tràn đầy sức sống.

2.4.3. Nội dung tham thoại hồi đáp hướng đến người đọc

Trong quan hệ ngữ nghĩa của cặp trao - đáp chứa hành động hỏi - đáp thì nội dung hướng đến người nghe không nằm ở lời hỏi mà chính là ở lời đáp, lời hỏi chỉ là phương tiện để bộc lộ nội dung cần trình bày ở lời trao. Vì thế, khi nghiên cứu hành động hỏi, chúng tôi luôn đặt nó trong sự tương tác với hành động trả lời.

2.4.4. Cặp thoại hỏi - trả lời gián tiếp thể hiện thái độ, quan điểm của nhà văn

Kịch của Lưu đã phản ánh những vấn đề nóng bỏng của đời sống xã hội và bối cảnh đổi mới của đất nước sau chiến tranh. Đằng sau sự phản ánh hiện thực đó là những suy nghĩ chiêm nghiệm về cuộc sống, là sự cảm thông sâu sắc với những số phận bất hạnh, là niềm tin yêu đối với con người. Giá trị bền vững trong tác phẩm của Lưu Quang Vũ chính là tính nhân văn cao cả và tính triết lý sâu sắc.

2.5. Tiểu kết chương 2

Ở chương này, luận án đã phân tích cấu trúc và ngữ nghĩa của cặp thoại hỏi - trả lời trong kịch Lưu Quang Vũ. Xét trong tương quan với các hành động khác, hành động hỏi là hành động xuất hiện nhiều nhất trong các tham thoại trao. Sự tương tác của cặp thoại hỏi - trả lời trong kịch Lưu Quang Vũ đã thể hiện được những băn khoăn, trăn trở của tác giả về cuộc sống, tình người, tình đời. Nó có vai trò quan trọng trong việc tạo nên sự tương tác lời thoại giữa các nhân vật, làm gia tăng tính kịch và góp phần quan trọng trong quá trình tổ chức tác phẩm, thể hiện phong cách, ý đồ nghệ thuật của tác giả.

Chương 3
ĐẶC ĐIỂM CẶP THOẠI CẦU KHIẾN - HỒI ĐÁP QUA LỜI THOẠI NHÂN VẬT TRONG KỊCH LƯU QUANG VŨ

3.1. Khái niệm câu cầu khiến, phát ngôn cầu khiến và hành động cầu khiến

3.1.1. Khái niệm câu cầu khiến, phát ngôn cầu khiến

Chúng tôi trình bày khái niệm câu cầu khiến của các tác giả Nguyễn Kim Thản, Hoàng Trọng Phiến, John Lyons, Diệp Quang Ban, Cao Xuân Hạo, Đào Thanh Lan... và xác định khái niệm câu cầu khiến theo quan điểm của tác giả Cao Xuân Hạo: "*Câu cầu khiến là câu có lực ngôn trung tác động đến ngôi thứ hai, yêu cầu ngôi này thực hiện hành động đơn phương hay hợp tác".* Phát ngôn cầu khiến là sự hiện thực hóa của câu cầu khiến, là một kiểu phát ngôn được phân loại theo hướng lời nói.

3.1.2. Khái niệm hành động cầu khiến

Hành động cầu khiến là hành động mà người nói (SP1) yêu cầu (cầu hoặc khiến) người nghe (SP2) thực hiện một nội dung/ sự tình nào đó (P) của người nói. Chúng tôi dựa vào cách phân loại và những điều kiện để thực hiện hành động cầu khiến của J. Searle để tiến hành tìm hiểu hành động cầu khiến trong kịch Lưu Quang Vũ.

3.2. Cấu trúc cặp thoại cầu khiến - hồi đáp trong kịch Lưu Quang Vũ

3.2.1. Cấu trúc tham thoại trao chứa hành động cầu khiến và cấu trúc của biểu thức ngữ vi chứa hành động khiến

3.2.1.1. Cấu trúc tham thoại chứa hành động cầu khiến

Bảng 3.1. Số lượng các dạng tham thoại chứa hành động cầu khiến

TT	Dạng tham thoại	Số lượng	Tỷ lệ %
1.	Hành động cầu khiến đứng độc lập	167	40,63%
2.	Hành động cầu khiến có hành động đi kèm	244	59,36%
	Tổng	**411**	**100%**

a. Hành động cầu khiến đứng độc lập: xuất hiện 167 lượt (40,63%)

Trong kịch Lưu Quang Vũ, tham thoại chỉ có hành động cầu khiến đứng độc lập xuất hiện không nhiều và thường được các nhân vật sử dụng đối thoại trong mối quan hệ công việc. Để đáp lại hành động cầu khiến, người đáp lời có thể đồng tình hoặc không đồng tình với người trao.

b. Hành động cầu khiến có hành động đi kèm: xuất hiện 244 lượt (59,36%)

Đi kèm hành động cầu khiến, xuất hiện nhiều hành động khác như: đề nghị + cảm ơn, hỏi + yêu cầu, trình bày + đề nghị, thông báo + yêu cầu, khuyên + đề nghị + giải thích, thông báo + trách + yêu cầu + mời + ra lệnh...

Như vậy, tham thoại chứa hành động cầu khiến trong kịch Lưu Quang Vũ thường được sử dụng kèm với các hành động khác. Đây là một trong những điểm độc đáo trong

nghệ thuật tổ chức lời văn của tác giả. Hành động cầu khiến chứa các hành động đi kèm đã tạo nên những hiệu quả ở lời khác nhau, tính chất khiến của những tham thoại cầu khiến bớt khiên cưỡng.

3.2.1.2. Cấu trúc của biểu thức ngữ vi chứa hành động cầu khiến

a. Hành động cầu khiến trực tiếp: có số lượng 753 lượt (chiếm 83%)

- Cấu trúc đầy đủ:

D1 + V(vtnh) + D2 + P

Trong đó: D1 là chủ thể sự tình (chủ ngôn SP1); D2: chủ thể tiếp nhận (SP2)

V: là vị từ ngôn hành cầu khiến; P : nội dung mệnh đề

- Cấu trúc rút gọn: Đây là dạng được dùng nhiều hơn so với dạng đầy đủ, vì tính chất của hội thoại thường ngắn gọn, súc tích nên ta thấy việc rút gọn, tỉnh lược bớt các thành phần nhưng vẫn giữ được nội dung ngữ nghĩa của phát ngôn được sử dụng phổ biến.

Các dạng rút gọn cụ thể :

*Thành phần rút gọn có thể là chủ thể sự tình.

Ø (D1): V(vtnh) + D2 + P

*Thành phần rút gọn có thể là chủ thể tiếp nhận (SP2), chỉ có động từ ngữ vi và P (nội dung sự tình/ mệnh đề).

Ø (D1): V(vtnh) + **Ø** (D2) + P

*Thành phần rút gọn có thể là chủ thể sự tình (SP1), chủ thể tiếp nhận (SP2) và động từ ngữ vi (V), chỉ còn nội dung mệnh đề.

Ø (D1): **Ø** (V(vtnh)) + **Ø (**D2) + **P**

*Thành phần rút gọn có thể là chủ thể sự tình (SP1), động từ ngữ vi, chỉ còn chủ thể tiếp nhận và nội dung mệnh đề.

Ø (D1): **Ø**(V(vtnh)) + **D2** + **P**

b. Hành động cầu khiến gián tiếp: có số lượng 156 lượt (chiếm 17%)

Tuy số lượng ít nhưng chúng đã làm nên giá trị trong ngôn ngữ đối thoại của kịch Lưu Quang Vũ. Xét theo hình thức thể hiện, chúng tôi thấy dạng có hình thức hỏi nhưng mục đích cầu khiến là chủ yếu. Bản chất của hành động hỏi là hướng đến hành động trả lời của đối ngôn. Tuy vậy, trong kịch Lưu Quang Vũ, bên cạnh những hành động hỏi nhằm cung cấp và xác nhận thông tin thì việc dùng hành động hỏi để diễn tả một hành động khác được sử dụng phổ biến, nhất là dùng hành động hỏi để thực hiện hành động cầu khiến. Vì thế, trong phạm vi luận án, chúng tôi sẽ chỉ đề cập đến kiểu cấu trúc cầu khiến gián tiếp bằng hình thức hỏi.

3.2.1.3. Phương tiện cấu tạo hành động cầu khiến trong kịch Lưu Quang Vũ

a. Sử dụng các động từ ngữ vi: Trong kịch của Lưu Quang Vũ, tần số xuất hiện của các động từ ngữ vi khá nhiều như: *xin, mời, mong, nhờ, cho/cho phép*...

b. Sử dung ba động từ tình thái *cần, nên, phải* thể hiện ý nghĩa cầu khiến cũng được sử dụng. Đây không phải là vị từ ngôn hành nhưng biểu thị tình thái cầu khiến khi chủ ngữ của câu phải ở ngôi thứ hai hoặc ngôi gộp và phải được dùng ở thời hiện tại, không kèm yếu tố thời gian.

c. Sử dụng các phụ từ cầu khiến *hãy, đừng, chớ*, đặt trước động từ biểu thị nội dung yêu cầu là một dấu hiệu hình thức để nhận biết hành động cầu khiến trực tiếp trong lời thoại. Trong kịch của Lưu Quang Vũ, tác giả sử dụng phụ từ *đừng* là chủ yếu. Ngoài chức năng khuyên nhủ, *đừng* còn mang sắc thái đe doạ, cảnh báo.

d. Sử dụng các phụ từ hoặc tiểu từ tình thái để nhận diện hành động cầu khiến: *đi, thôi, nào, xem, đã, nhé*... đứng cuối câu.

Ngoài những phương tiện đặc trưng thể hiện cho hành động cầu khiến trực tiếp, trong các hành động cầu khiến gián tiếp bằng hành động hỏi thì việc nhận diện hành động cầu khiến cần dựa vào ngữ nghĩa và ngữ cảnh của cuộc giao tiếp.

3.2.2. Cấu trúc tham thoại hồi đáp trong sự tương tác với tham thoại trao chứa hành động cầu khiến

Bảng 3.2. Tham thoại hồi đáp trong cặp thoại cầu khiến - hồi đáp

TT	Dạng tham thoại	Số lượng	Tỷ lệ
1.	Tham thoại một hành động	151	36,74
2.	Tham thoại nhiều hành động	260	63,26
	Tổng	**411**	**100**

3.2.2.1. Tham thoại hồi đáp chỉ có một hành động

Tham thoại hồi đáp chỉ một hành động có số lượng 151/411 hành động, chiếm 36,74% trong tổng số tham thoại hồi đáp cho hành động cầu khiến. Các tham thoại hồi đáp này thường trả lời trực tiếp và nội dung cầu khiến, chủ yếu là thể hiện sự đồng ý, đồng tình với hành động cầu khiến. Thường thấy trong kịch Lưu Quang Vũ, tham thoại hồi đáp cho hành động cầu khiến chỉ có một hành động xuất hiện trong các trường hợp sau: a) Khi cấp dưới chấp hành mệnh lệnh của cấp trên; b) khi cấp trên đồng ý với lời cầu khiến của cấp dưới; c) Khi lời trao dài và đã nêu rõ lý do cầu khiến.

Việc sử dụng hình thức đáp ngắn gọn này phù hợp với đặc trưng của kịch, hơn nữa, phù hợp với đặc điểm, tính cách của nhân vật là những người lính. Họ rất rõ ràng, rành mạch và hành động thường dứt khoát. Phần lớn tham thoại đáp một hành động trong kịch Lưu Quang Vũ có nội dung về công việc.

3.2.2.2. Tham thoại hồi đáp có nhiều hành động

Tham thoại hồi đáp có nhiều hành động chiếm số lượng nhiều hơn với 260/411 hành động, chiếm 63,26%. Tham thoại dạng này không chỉ trả lời cho hành động cầu khiến mà còn nêu ra lý do chấp nhận hay không chấp nhận hành động cầu khiến của chủ ngôn.

Như vậy, có thể thấy, trong sự tương tác giữa tham thoại trao và đáp trong kịch Lưu Quang Vũ, lời trao chứa hành động cầu khiến thường có dung lượng dài, chứa nhiều hành động còn tham thoại hồi đáp cho hành động cầu khiến thường ngắn hơn và tập trung trực tiếp vào việc đồng tình hay không đồng tình cho hành động cầu khiến ở lời trao. Với cách thức tổ chức tham thoại đó, ở vị trí người phát ngôn là chủ ngôn (SP1) thường đưa ra các lý

do cầu khiến trước và việc người tiếp ngôn (SP2) thường chỉ là đồng ý hay không trước những lý do ấy.

3.3. Ngữ nghĩa cặp thoại cầu khiến - hồi đáp trong kịch Lưu Quang Vũ

3.3.1. Ngữ nghĩa của hành động cầu khiến trong kịch Lưu Quang Vũ

3.3.1.1. Thống kê số lượng các nhóm ngữ nghĩa của hành động cầu khiên trong kịch Lưu Quang Vũ

Bảng 3.3. Các nhóm ngữ nghĩa của hành động cầu khiến

TT	Các nhóm ngữ nghĩa	Số lượng	Tỉ lệ %
1.	Cầu khiến để thể hiện các yêu cầu, mệnh lệnh gắn với công việc đoàn thể	260	53
2.	Cầu khiến để thể hiện chính kiến của cá nhân trước các vấn đề xã hội	142	29
3.	Cầu khiến để thể hiện nhu cầu, ước nguyện của cá nhân về mình hoặc về người khác	90	18
Tổng		**492**	**100%**

3.3.1.2. Mô tả các nhóm ngữ nghĩa của hành động cầu khiến ở tham thoại trao

a. Cầu khiến để thể hiện các yêu cầu, mệnh lệnh gắn với công việc đoàn thể.

Kịch Lưu Quang Vũ luôn lấy cái tôi làm xuất phát điểm để hướng đến thay đổi cái chúng ta. Tác giả không cầu kỳ vào việc diễn tả mối quan hệ cũng như những lợi ích cá nhân riêng lẻ mà tập trung vào cái chung. Lời trao cầu khiến có nội dung công việc thường dài, chứa nhiều hành động nhằm giải thích cho đích cầu khiến của chủ ngôn. Còn lời đáp trong sự tương tác này thường ngắn, bộc lộ sự đồng tình hoặc không đồng tình với lời cầu khiến.

b. Cầu khiến để thể hiện chính kiến của cá nhân trước các vấn đề hã hội

Hành động cầu khiến trong kịch Lưu Quang Vũ đã lột trần được mặt trái của xã hội, từ đó, thể hiện được suy nghĩ, mong muốn thay đổi cơ chế cũ, cung cách làm ăn cũ đã không còn phù hợp với hiện tại. Đáng lo ngại nhất là sự ảnh hưởng của lối sống suy thoái đạo đức, coi trọng danh lợi, vật chất làm ảnh hưởng đến tư tưởng của bộ phận giới trẻ.

c. Cầu khiến để thể hiện nhu cầu, ước nguyện của cá nhân về mình hoặc về người khác

Kịch Lưu Quang Vũ thường không chú trọng đến đời sống cá nhân. Cái cá nhân, cái Tôi cá thể ấy được đặt trong mối quan hệ với cái chung, cái tập thể. Mối quan hệ ấy bao giờ cũng nằm trong sự đối sánh "Tôi và Chúng ta". Vì thế, tình cảm cá nhân không phải là chủ đích trong các tác phẩm của ông. Mặc dù không chú trọng vào việc diễn tả những tình cảm riêng tư, nhưng bản thân nó vẫn cứ hiển hiện một cách rất tự nhiên, sâu sắc, góp phần quan trọng vào việc bộc lộ tư tưởng của tác giả.

3.3.2. Ngữ nghĩa của tham thoại hồi đáp trong sự tương tác với hành động cầu khiến

a. Tham thoại hồi đáp thể hiện thái độ đồng tình

Cặp thoại chứa tham thoại hồi đáp lời là đồng ý, đồng tình xuất hiện 158/492 lượt, chiếm 32%. Hành động đồng tình thể hiện sự thống nhất ý kiến giữa Sp1 và Sp2 về một nội dung nào đấy. Thông thường những tham thoại kết thúc bằng sự đồng tình từ đối ngôn (SP2) thể hiện tính chất tích cực của cuộc thoại. Những tham thoại kết thúc mang màu sắc tích cực đó thường diễn ra với sự đi kèm của các hành động: khẳng định để đồng tình, ủng hộ, hứa hẹn, cam đoan... Có hai dạng:

a1. Hành động đồng tình đứng độc lập: có số lượng 75/158 hành động (chiếm 47,46%). Chủ yếu được các nhân vật sử dụng trong các trường hợp:

- Hành động cầu khiến khi chủ ngôn (Sp1) mong muốn đối ngôn (Sp2) thực hiện một sự tình cụ thể ngay sau khi Sp1 yêu cầu, đề nghị.

- Ở tham thoại trao có nhiều hành động cầu khiến, trong đó có hành động hướng đến mục đích cầu khiến của Sp1 và các hành động phụ đi kèm thường để giải thích lý do cầu khiến của hành động chính.

- Tham thoại trao chứa hành động đề nghị - cầu khiến của Sp1 mong muốn đối ngôn (Sp2) cho phép bản thân mình (Sp1) thực hiện.

a2. Hành động đồng tình có hành động đi kèm: có số lượng 83/158 hành động (chiếm 52,53%). Phần lớn các tham thoại này, các hành động đi kèm thường có vai trò giải thích, khẳng định hoặc bộc lộ thái độ của đối ngôn (Sp2) đối với hành động cầu khiến.

b. Tham thoại hồi đáp thể hiện thái độ lấp lửng, không rõ ràng

Nhóm này có số lượng 116/492 hành động, chiếm 24% trong các tham thoại hồi đáp cho hành động cầu khiến. Nếu xét đến cùng tính hiệu lực của hành động thì chúng ta vẫn có thể quy hành động này là đồng tình hay phủ định. Nhưng nếu xét về mục đích giao tiếp thì nó bộc lộ rất rõ thái độ lấp lửng của người đáp. Khi không tiện bộc lộ quan điểm một cách rõ ràng, quyết liệt, nhân vật giao tiếp (Sp2) tìm phương châm hồi đáp lấp lửng để tránh căng thẳng cho cuộc thoại. Để tránh trả lời trực tiếp, đối ngôn đã sử dụng các hành động: *giải thích, thanh minh, trình bày, bộc lộ…*

b1. Chủ ngôn (Sp1) mong đối ngôn (Sp2) thực hiện sự tình theo yêu cầu của mình, yêu cầu đó được cho là chính đáng.

b2. Chủ ngôn (Sp1) khuyên đối ngôn (SP2) đừng thực hiện một sự tình nào đó mà SP1 cho là đúng

b3. Chủ ngôn (Sp1) đề nghị đối ngôn (Sp2) đồng ý để Sp1 thực hiện một sự tình nào đó mà SP1 cho là đúng.

Hồi đáp bằng hình thức lấp lửng trong kịch Lưu Quang Vũ thể hiện chiến lược giao tiếp của Sp2 trong cuộc thoại. Hình thức này thường được các nhân vật sử dụng khi không đồng nhất về quan điểm, hành động nhưng lại không tiện bộc lộ ra.

c. Tham thoại hồi đáp thể hiện thái độ phủ định

Có đến 218/492 tham thoại đáp (chiếm 44%) có nghĩa phủ định, bác bỏ lại hành động cầu khiến ở lời trao. Trong đó, hành động phủ định có hành động đi kèm chiếm 64%, hành động phủ định đứng độc lập chỉ chiếm 36%. Đây là những tham thoại có tính chất tiêu cực

nhưng nhờ những tham thoại này mà làm tăng tính kịch cho tác phẩm kịch. Hành động phủ định, bác bỏ có thể được nhận diện bằng nhiều cách khác nhau, có thể đứng độc lập bằng cách từ chối thẳng yêu cầu của chủ ngôn, nhưng cũng có nhiều trường hợp đi kèm các hành động khác như: *phê phán, lên án, nêu lên hậu quả, bộc lộ thái độ tức giận...* Chính sự phong phú của các hành động ngôn ngữ trong các tham thoại hồi đáp đã chứng tỏ được sự tinh tế của tác giả trong việc phản ánh cuộc sống nhiều màu sắc.

Như vậy, để hồi đáp cho lời cầu khiến của Sp1, Sp2 có thể chấp nhận hoặc không chấp nhận lời cầu khiến đó. Nhưng để đảm bảo tính lịch sự trong giao tiếp nên lời đáp của Sp2 dù đồng tình hay không đồng tình trong đối thoại kịch của Lưu Quang Vũ vẫn tạo cảm giác nhẹ nhàng và thường mở ra những vấn đề mới cho những giao tiếp được thực hiện phía sau của các đối tượng.

3.4. Vai trò cặp thoại cầu khiến - hồi đáp trong kịch Lưu Quang Vũ

3.4.1. Cặp thoại cầu khiến - hồi đáp bằng tham thoại hỏi lại thể hiện thái độ từ chối gián tiếp

a. Trong kịch, sự tương tác giữa cầu khiến - đáp lời thể hiện rất mật thiết. Hành động cầu khiến luôn có hành động đáp lời. Lời đáp trong kịch Lưu Quang Vũ không chỉ đơn giản, ngắn gọn, chấp nhận hay không mà nó đa chiều, dung lượng dài và thể hiện nhiều dụng ý nghệ thuật.

b. Nhiều vở kịch của Lưu Quang Vũ, dù đã kết thúc nhưng những vấn đề đặt ra trong tác phẩm chưa được giải quyết triệt để, xung đột kịch vẫn còn. Đặc biệt, đáp lại hành động cầu khiến bằng hình thức hỏi lại, một mặt thể hiện thái độ người nghe, mặt khác tạo nên kết cấu mở cho các cặp thoại, cặp thoại này có thể khép lại nhưng lại là sự bắt đầu cho một cặp thoại khác.

3.4.2. Cặp thoại cầu khiến - hồi đáp thể hiện tính lịch sự trong giao tiếp

Xét về mặt lịch sự thì cầu khiến là dạng hành động có khả năng đe dọa thể diện cao vì nó có thể gây ra tác dụng tích cực hoặc tiêu cực cho cả chủ ngôn và đối ngôn. Kịch Lưu Quang Vũ rất chú ý đến việc đảm bảo tính lịch sự trong giao tiếp. Mặc dù, tác giả luôn trực diện vào các vấn đề của đời sống với những xung đột, mâu thuẫn khó dung hòa nhưng thái độ, sự phản ứng vẫn luôn ở trong chừng mực cho phép. Một trong những phương thức hữu hiệu để đảm bảo tính lịch sự khi cầu khiến là tác giả thường sử dụng hình thức cầu khiến gián tiếp bằng hành động hỏi. Có đến 153/909 (chiếm 16,83%) hành động cầu khiến gián tiếp bằng hình thức hỏi. Ngoài ra, tác giả còn sử dụng các hình thức khác để đảm bảo tính lịch sự cho hành động cầu khiến như dùng yếu tố rào đón, nêu lý do; dùng từ xưng hô hợp lý cũng là phương thức hữu hiệu để giữ tính lịch sự khi cầu khiến.

3.4.3. Cặp thoại cầu khiến - hồi đáp thể hiện các mức độ từ chối của tham thoại hồi đáp trong quan hệ với tham thoại trao

3.4.3.1. Từ chối nhẹ nhàng, lịch sự

Đáp lại hành động cầu khiến bằng lời từ chối nhẹ nhàng, lịch sự luôn được các Sp2 lựa chọn trong cặp thoại cầu khiến - hồi đáp trong kịch Lưu Quang Vũ. Trong chiến lược

giao tiếp, từ chối mà không làm người khác mất lòng là việc làm rất khó nhưng thực tế cho thấy, trong kịch Lưu Quang Vũ, việc từ chối lại lời cầu khiến một cách nhẹ nhàng, lịch sự vẫn chiếm ưu thế: *không dám, cảm ơn, không tiện ạ…*

3.4.3.2. Từ chối dứt khoát, rành mạch

Những cách hồi đáp này thường bộc lộ rất rõ lập trường, thái độ dứt khoát, không e ngại của đối ngôn. Các tham thoại đáp dạng này thường dùng hình thức phủ định trực tiếp *"không"* để đáp lại hành động cầu khiến.

3.4.3.2. Từ chối bực tức, không thể hợp tác

Bên cạnh những hành động từ chối một cách dứt khoát nhưng vẫn lịch sự thì việc các nhân vật giao tiếp trong kịch Lưu Quang Vũ thể hiện thái độ bực tức, bất hợp tác cũng diễn ra, tuy nhiên số lượng không nhiều.

Tóm lại, đáp lại hành động cầu khiến bằng hành động từ chối diễn ra với nhiều biểu hiện khác nhau. Các nhà nghiên cứu trước đây mới chỉ chú ý đến biểu hiện các thang độ hành động cầu khiến chứ chưa chú ý đến thang độ của hành động hồi đáp. Trong khi đó, đối với cặp thoại cầu khiến - hồi đáp, hành động đáp mới là hành động chuyển tải nhiều nội dung ngữ nghĩa nhất.

3.5. Tiểu kết chương 3

Ở chương này, luận án đã phân tích cấu trúc và ngữ nghĩa của cặp thoại cầu khiến - hồi đáp trong kịch Lưu Quang Vũ. Đây là cặp thoại có cấu trúc rất đa dạng và do khả năng đe dọa thể diện đối ngôn cao nên tham thoại chứa hành động cầu khiến thường có các hành động khác đi kèm. Cặp thoại cầu khiến - đáp lời đã góp phần quan trọng trong việc phản ánh một cách chân thực những vấn đề xã hội, những trăn trở, khát vọng cống hiến hết mình cho đất nước của thế hệ trẻ. Những cố gắng của những con người tích cực sẽ dự báo cho một tương lai tốt đẹp hơn chính là thông điệp mà tác giả gửi gắm.

Chương 4
TỪ NGỮ XƯNG HÔ QUA CẶP THOẠI HỎI - TRẢ LỜI, CẦU KHIẾN - HỒI ĐÁP TRONG KỊCH LƯU QUANG VŨ

4.1. Vấn đề từ xưng hô và từ xưng hô trong kịch

4.1.1. Khái niệm từ xưng hô

Sau khi dẫn và phân tích quan niệm về từ xưng hô của Nguyễn thiện Giáp, Hoàng Phê, Đỗ Thị Kim Liên, Diệp Quang Ban, Lê Biên… luận án đã dựa theo định nghĩa của các tác giả và thống nhất cách hiểu về từ xưng hô: *xưng hô là cách người nói tự xưng mình trước người đối thoại và cách mình gọi người đó trong giao tiếp* để làm cơ sở cho việc nghiên cứu đề tài.

4.1.2. Từ xưng hô trong văn bản kịch

Từ xưng hô thường gắn với ngôn ngữ hội thoại của nhân vật. Vì vậy, trong văn bản nghệ thuật, người ta thường đề cập đến từ xưng hô khi có lời thoại. Nếu là lời trần thuật của nhà văn thì có thể không xuất hiện từ xưng hô.

Khác với văn bản nghệ thuật, văn bản kịch luôn chứa lời thoại của các nhân vật, thể hiện qua các cặp tương tác hỏi - trả lời, cầu khiến - hồi đáp nên từ xưng hô được sử dụng với số lượng lớn.

4.2. Hệ thống từ ngữ xưng hô qua cặp thoại hỏi - trả lời, cầu khiến - hồi đáp trong kịch Lưu Quang Vũ

4.2.1. Thống kê định lượng

Bảng 4.1. Số lượng từ ngữ xưng hô trong kịch Lưu Quang Vũ

TT	TÁC PHẨM	DANH TỪ		ĐẠI TỪ		TỔ HỢP TỪ	
		Trao	**Đáp**	**Trao**	**Đáp**	**Trao**	**Đáp**
1	Nếu anh không đốt lửa	518	310	396	423	250	164
2	Tôi và chúng ta	517	457	405	378	312	212
3	Hồn Trương Ba, da hàng thịt	580	385	380	358	232	223
4	Điều không thể mất	590	314	223	291	234	198
5	Lời thề thứ chín	357	259	210	187	246	133
	Tổng	**2.562**	**1.725**	**1.614**	**1.637**	**1274**	**930**
	Tỷ lệ %	**4.287 (44%)**		**3.251 (33%)**		**2.204 (23%)**	

4.2.2. Nhận xét các nhóm từ ngữ xưng hô trong kịch Lưu Quang Vũ

Lớp từ ngữ xưng hô được sử dụng qua các cặp trao - đáp trong kịch của Lưu Quang Vũ gồm 3 nhóm, được xếp từ cao đến thấp như sau:

- Xưng hô bằng danh từ: 4.287 lượt (tỷ lệ 44%)

Nhóm xưng hô bằng danh từ trong kịch của Lưu Quang Vũ chiếm số lượng cao nhất, gồm 3 tiểu nhóm, trong đó tiểu nhóm danh từ thân tộc dù số từ dùng ít nhất (23 từ) nhưng lại có lượt dùng nhiều nhất 3.227 lượt, chiếm 75%); xưng hô bằng cách gọi tên nhau cũng

xuất hiện tương đối nhiều vói 754 lượt dùng của 57 số từ chiếm 18%; và ít hơn là tiểu nhóm danh từ chỉ quan hệ xã hội, nghề nghiệp với 306 lượt dùng của 45 từ.

- Xưng hô bằng đại từ: 3.251 lượt (tỷ lệ 33%)

+ Nhóm ĐTNX ngôi thứ nhất xuất hiện 14 đại từ với 2.868 lượt

+ Nhóm ĐTNX ngôi thứ hai chỉ có 3 đại từ với 29 lượt

+ Nhóm ĐTNX ngôi thứ ba có 8 đại từ với 354 lượt.

Theo thói quen giao tiếp của người Việt, chúng ta thường kéo gần khoảng cách bằng việc sử dụng các danh từ thân tộc nên xưng hô bằng ĐTNX chiếm số lượng ít hơn danh từ, vì chúng mang tính khách quan. Nếu sử dụng ĐTNX quá nhiều, khoảng cách giữa các nhân vật sẽ bị giãn ra và khó tạo sự cởi mở, thân thiện.

Trong kịch của Lưu Quang Vũ, ĐTNX được dùng nhiều nhất là *tôi* (ngôi thứ nhất, số ít) với 1.978 lượt, chiếm 61% số lượng đại từ tham gia vào xưng hô. Tiếp theo là từ *mình* (ngôi thứ nhất số ít) với 232 lượt. Tiếp đến là các đại từ *chúng tôi* (ngôi thứ nhất, số nhiều) với 270 lượt, *ta* (ngôi gộp: *tôi* và những người cùng tham gia) với158 lượt. Cuối cùng là ngôi thứ ba số ít (*hắn, hắn ta, nó*) với 128 lần xuất hiện và ngôi thứ ba, số nhiều *họ* với 156 lượt…

- Xưng hô bằng tổ hợp từ: 2.204 lượt (tỷ lệ 23%)

Trong kịch Lưu Quang Vũ, cách xưng hô bằng tổ hợp từ tuy có lượt dùng thấp hơn hai nhóm đại từ và danh từ (với 2.232 lượt, chiếm 23%) nhưng chúng có cấu tạo khá phong phú. Các tổ hợp từ này được tác giả vận dụng qua lời thoại nhân vật gồm 35 tiểu nhóm, trong các tiểu nhóm đó luôn có mặt danh từ: *Danh từ thân tộc + Danh từ riêng (674), Danh thân tộc từ + đại từ (595), Phụ từ + danh từ thân tộc (240), Danh từ chung + danh từ riêng (135)...*

4.3. Sự tương đồng trong việc sử dụng từ ngữ xưng hô qua cặp thoại hỏi - trả lời, cầu khiến - hồi đáp trong kịch Lưu Quang Vũ

4.3.1. Các loại từ ngữ xưng hô trong mỗi cặp thoại được sử dụng đan xen

Trong mỗi cặp thoại, thường thấy nhiều loại từ xưng hô xuất hiện cùng nhau. Danh từ, đại từ, tổ hợp từ xưng hô không xuất hiện đơn lẻ khi ở trong cặp tương tác mà được sử dụng đan xen: đại từ - danh từ, danh từ - tổ hợp từ, đại từ - tổ hợp từ.

4.3.2. Các từ ngữ xưng hô thể hiện rõ giới tính

Xưng hô qua lời thoại nhân vật trong kịch Lưu Quang Vũ thể hiện giới tính rất rõ, nhất là trong nhóm xưng hô dùng các danh từ. Có 125 loại từ xưng hô bằng danh từ thì có đến 30 loại từ xưng hô bằng danh từ có phân biệt rõ về giới tính, cụ thể như: *mụ, mụ ta, mụ ấy, con bé, mụ vợ, cu cậu, anh giai, cô bé, thằng bé, thằng ấy, thằng trai, ông nội, thầy, con dâu...*

Trong nhóm xưng hô bằng danh từ thân tộc hầu như đều thể hiện giới tính. Trong số 23 loại danh từ thân tộc dùng để xưng hô trong kịch Lưu Quang vũ thì có đến 17/23 danh từ có thể hiện giới tính bên trong: *anh, chị, cô, anh giai, ông, bà, em gái, bố, chú, mẹ, bác giai, u, con gái, con dâu, thầy, ông nội, vợ...*

Các danh từ có thể dùng cả cho giới tính nam, nữ chỉ có 6 danh từ: *cậu, em, bác, cháu, cụ, con...*

4.3.3. Các từ ngữ xưng hô thể hiện các mối quan hệ liên nhân

- Từ xưng hô thể hiện quan hệ tuổi tác trong kịch Lưu Quang Vũ: *ông anh/ chúng em, anh/ chúng mày, hai đứa, anh/bọn em…*

- Từ xưng hô thể hiện quan hệ nghề nghiệp trong kịch Lưu Quang Vũ: *đồng chí quản đốc, tôi/đại đội trưởng công binh Hoàng Việt, chỉ huy trưởng,ông cố vấn...*

- Từ xưng hô thể hiện quan hệ vị thế trong kịch Lưu Quang Vũ: Trong kịch Lưu Quang Vũ xuất hiện những cặp từ xưng hô thể hiện rất rõ vị thế của người nói lẫn người nghe*: thủ trưởng - em, đồng chí - tôi, giám đốc - chúng tôi, chỉ huy - anh em...*

- Từ xưng hô thể hiện thái độ trong kịch Lưu Quang Vũ: Từ xưng hô không chỉ thể hiện các mối quan hệ về tuổi tác, vị thế, nghề nghiệp mà nó còn có khả năng thể hiện thế giới tình cảm phức tạp của con người. Thông qua việc nhân vật dùng từ xưng hô, có thể nhận thấy thái độ, tình cảm của các bên tham gia giao tiếp: Bộc lộ thái độ tức giận bằng việc sử dụng các từ xưng hô *thằng/ đứa/ kẻ/bà...;* Thái độ yêu quý, kính trọng cũng là một sắc thái tình cảm được thể hiện qua các từ xưng hô: *mình/nhà/em/thủ trưởng...*

4.3.4. Các từ ngữ xưng hô luôn có sự diễn biến theo tình cảm nhân vật trong cách sử dụng

Trong kịch của Lưu Quang Vũ, từ ngữ xưng hô có sự thay đổi linh hoạt, thể hiện rất rõ chiến lược giao tiếp, mối quan hệ giữa các nhân vật. Sự thay đổi diễn ra trong các cặp thoại, cũng có khi trong diễn tiến của vở kịch. Từ ngữ cảnh này đến ngữ cảnh khác, các nhân vật đã thay đổi quan hệ và từ đó thay đổi cách xưng hô.

4.4. Sự khác biệt trong cách sử dụng từ ngữ xưng hô của cặp thoại hỏi - trả lời và cầu khiến - hồi đáp trong kịch Lưu Quang Vũ

4.4.1. Sự khác nhau về mức tương ứng xưng hô của cặp hỏi - trả lời, cầu khiến - hồi đáp

- Xưng hô trong cặp thoại hỏi - trả lời thường không tương ứng theo các cặp mà có sự vận dụng tương đối linh hoạt. Trong 674 cặp thoại hỏi - trả lời, chỉ có 50 cặp từ xưng hô có sự tương ứng chính xác: *cháu/bác, em/anh, bố/con, tôi/đồng chí, chúng tôi/các anh, mình/cậu...* Các cặp xưng hô tương ứng chính xác này chỉ xuất hiện trong các tham thoại đáp của cặp hỏi - trả lời.

- Còn trong cặp thoại cầu khiến - hồi đáp, cặp từ xưng hô tương ứng chính xác thường xuất hiện: *tôi/cô, mình/cậu, tớ/cậu, tôi/anh, tôi/đồng chí, em/anh, bố/con, chúng tôi/các đồng chí...*

4.4.2. Sự khác nhau về hiệu lực của cặp thoại hỏi - trả lời và cầu khiến - hồi đáp

Do sự khác nhau về hiệu lực của cặp thoại hỏi - trả lời, cầu khiến - hồi đáp nên kéo theo sự chọn lựa từ xưng hô (Sp1, Sp2) hoặc không sử dụng từ xưng hô của mỗi nhóm là khác nhau: Đối với cặp hỏi - trả lời, chủ ngôn khi đưa ra lời hỏi thường chỉ dùng từ xưng hô chỉ về đối ngôn kèm dấu hiệu hỏi, không dùng từ xưng hô chỉ bản thân khi đưa ra lời hỏi. Đối với cặp cầu khiến - hồi đáp, khi muốn đưa ra lời cầu khiến, chủ ngôn thường hướng

đích danh tới đối ngôn một cách xác định. Vì thế, dùng từ xưng hô một cách rõ ràng cũng là một chiến lược giao tiếp, giúp cho lời cầu khiến đi đúng hướng.

4.5. Sự khác biệt khi sử dụng từ xưng hô của người Việt qua cặp thoại hỏi - trả lời, cầu khiến - hồi đáp trong khẩu ngữ và trong tác phẩm văn học

4.5.1. Sự khác biệt về số lượng cặp tương tác từ xưng hô trong cặp hỏi - trả lời, cầu khiến - hồi đáp

Trong đời sống hàng ngày, diễn ra nhiều giao tiếp khác nhau với những mục đích, đối tượng không giống nhau nên số lượng cặp tương tác từ xưng hô trong các cặp thoại hỏi - trả lời, cầu khiến - hồi đáp nhiều và đa dạng. Còn trong văn bản nghệ thuật, số lượng cặp từ xưng hô trong cặp hỏi - trả lời, cầu khiến - hồi đáp được sử dụng hạn chế do chủ thể người sáng tác thể hiện. Mặt khác, nhà văn chỉ tập trung chú ý vào một số vấn đề, những mối quan hệ nhất định từ góc độ của cá nhân nên từ xưng hô không phong phú như trong khẩu ngữ. Đặc biệt đối với kịch, do tính chất ngắn gọn, trình diễn nên việc lược bỏ các yếu tố xưng hô diễn ra rất phổ biến. Có những cặp thoại mà các nhân vật giao tiếp không dùng bất cứ từ xưng hô nào nhưng các chủ ngôn cũng như đối ngôn đều hiểu được nội dung nhờ vào ngữ cảnh. Điều này xuất hiện nhiều ở cặp thoại hỏi - trả lời trong kịch Lưu Quang Vũ.

4.5.2. Sự khác biệt về tính chất của từ xưng hô trong cặp thoại hỏi - trả lời, cầu khiến - hồi đáp

Từ xưng hô qua cặp thoại hỏi - trả lời, cầu khiến - hồi đáp trong khẩu ngữ có thể suồng sã, lịch sự, khách quan theo vai giao tiếp, theo vùng miền, địa phương. Trong cuộc sống, một người có thể đảm nhiệm các vai giao tiếp khác nhau dựa theo các mối quan hệ. Vì thế, người giao tiếp có thể xưng hô với nhau theo kiểu cảm tính phụ thuộc vào thái độ, tình cảm. Những kiểu xưng không tương ứng xuất hiện nhiều. Phần lớn các từ xưng hô mang tính chất vùng miền, địa phương chỉ được dùng trong giao tiếp hàng ngày*: tau, mi, bọ, tía, mệ, má, u, bầm, út, cả...*

Còn trong tác phẩm văn học, việc dùng từ xưng hô thường nghiêng về lịch sự vì tính chất nghi thức của văn bản nghệ thuật. Trong kịch của Lưu Quang Vũ, tác giả chú trọng đến việc dùng các từ xưng hô lịch sự như một chiến lược giao tiếp. Các từ xưng hô có sắc thái suồng sã, miệt thị, khinh bỉ được sử dụng nhưng không nhiều như *thằng, kẻ, hắn, hắn ta, mụ, mụ ta...* mà chủ yếu dùng các từ xưng hô có tính chất trung hòa về sắc thái như *tôi, ta, chúng tôi, chúng ta, họ, mình, chúng mình...*

4.5. Tiểu kết chương 4

Qua những nội dung đã phân tích, chúng tôi thấy, bên cạnh những từ, ngữ xưng hô thông dụng, được dùng một cách phổ biến thì kịch Lưu Quang vũ còn hấp dẫn ở việc sử dụng những kiểu kết hợp độc đáo, mới lạ của các tổ hợp từ xưng hô. Việc kết hợp độc đáo đó không chỉ để gọi tên, định danh mà còn có khả năng khắc họa tính cách, hình dáng nhân vật qua đó thể hiện thái độ, tình cảm của tác giả

KẾT LUẬN

Qua miêu tả, phân tích nội dung các chương, chúng tôi rút ra kết luận:

1. Khảo sát 5 tác phẩm tiêu biểu với 1.662 cặp thoại, chúng tôi thu được các số liệu cụ thể: có 4.839 hành động ngôn ngữ với 18 tiểu nhóm. Mỗi hành động ngôn ngữ trong sự tương tác của các cặp trao - đáp đều có những nét độc đáo góp phần thể hiện tính cách, suy nghĩ của các tuyến nhân vật (bảo thủ trì trệ và cách tân, sáng suốt, chấp nhận gian khó để đi lên) cũng như nội dung ý nghĩa của tác phẩm. Trên cơ sở kết quả thống kê, chúng tôi đi sâu tìm hiểu cách sử dụng từ ngữ xưng hô của nhân vật trong cặp tương tác trao - đáp cũng như hai nhóm hành động trao - đáp: hỏi - trả lời, cầu khiến - hồi đáp. Đó là những cặp thoại xuất hiện liên tục và thể hiện rõ đặc điểm ngôn ngữ nhân vật, góp phần tạo nên đặc sắc trong kịch Lưu Quang Vũ.

2. Cặp thoại hỏi - trả lời, cầu khiến - hồi đáp là hai cặp thoại xuất hiện với số lượng cao trong kịch Lưu Quang Vũ. Cặp thoại hỏi - trả lời thường xuất hiện đầu tiên trong các cuộc thoại. Mặc dù cấu trúc của tham thoại trao chứa hành động hỏi không phức tạp như các tham thoại chứa các hành động khác nhưng việc mở đầu các cặp thoại bằng các hành động hỏi đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc thể hiện nội dung, quan điểm của các nhân vật tham gia hội thoại. Xét về cấu trúc của biểu thức ngữ vi chứa hành động hỏi thì hành động hỏi trong kịch Lưu Quang Vũ thường xuất hiện ở dạng không đầy đủ và đây chính là một trong những đặc trưng riêng về mặt ngữ nghĩa, tạo nên những nét khác biệt trong phong cách ngôn ngữ của tác giả. Đây cũng chính là một trong những yếu tố tạo nên tính ngắn gọn, súc tích trong kịch Lưu Quang Vũ.

Dựa vào chủ thể thực hiện hành động hỏi và nội dung ngữ nghĩa của hành động hỏi, chúng tôi đã phân loại các tiểu nhóm ý nghĩa của cặp trao - đáp chứa hành động hỏi - trả lời thành 4 nhóm: hỏi - trả lời về thông tin đời tư của đối tượng; hỏi - trả lời về nội dung công việc của đối tượng; hỏi - trả lời về nhận thức, thái độ, tình cảm của đối tượng; hỏi - trả lời về tư tưởng, quan điểm của đối tượng. Trong đó, nhóm hỏi - trả lời về nhận thức, thái độ, tình cảm của đối tượng có tỷ lệ cao nhất. Chính sự tương tác đó đã tạo điều kiện cho nhân vật bộc lộ được suy nghĩ, nhận thức và thái độ trước những vấn đề của cuộc sống.

3. Thông qua việc mô tả một cách khái quát tham thoại chứa hành động cầu khiến trong kịch Lưu Quang Vũ, chúng tôi nhận thấy rằng: hành động cầu khiến xuất hiện nhiều cả dạng trực tiếp lẫn gián tiếp. Vì tính chất nghi thức và phép lịch sự trong giao tiếp nên bên cạnh hành động cầu khiến trực tiếp thì việc sử dụng tương đối nhiều các hành động cầu khiến gián tiếp đã góp phần bộc lộ nội dung, quan điểm của tác giả một cách hữu hiệu. Để đáp lại lời cầu khiến, đối ngôn trong kịch Lưu Quang Vũ có thể đồng ý, đồng tình; lấp lửng hoặc từ chối, không đồng tình. Việc đáp lại lời cầu khiến của đối ngôn đã thể hiện rất rõ lập trường, quan điểm của các bên tham gia giao tiếp, thể hiện sự hợp tác hay không của người khiến lẫn người bị khiến.

Ngữ nghĩa của cặp thoại cầu khiến - hồi đáp được chia làm ba nhóm nhưng cầu khiến về công việc và những vấn đề xã hội vẫn là chủ yếu. Kịch Lưu Quang Vũ luôn lấy cái tôi

làm xuất phát điểm để hướng đến thay đổi cái chúng ta. Tác giả không chỉ chú trọng vào việc diễn tả mối quan hệ cũng như những lợi ích cá nhân riêng lẻ mà còn tập trung vào cái chung. Cặp thoại cầu khiến - hồi đáp đóng vai trò quan trọng trong việc phản ánh một cách tinh tế, nhạy bén những vấn đề xã hội, những mối quan hệ của cuộc sống thường nhật, những khát vọng đổi thay của tầng lớp trẻ và cả những dự báo cho tương lai. Sức hấp dẫn trong các vở kịch của Lưu Quang Vũ chính là do tác giả luôn đi thẳng vào những vấn đề có thật. Dù không thể giải quyết hết nhiều vấn đề còn dang dở nhưng kịch của Lưu Quang Vũ có tính dự báo về những điều sẽ xẩy ra và luôn mang hơi thở của tình yêu, hạnh phúc, niềm tin về lòng tốt con người.

4. Xưng hô trong kịch Lưu Quang Vũ thể hiện rất rõ các mối quan hệ liên nhân giữa các vai giao tiếp, trong đó xưng hô bằng danh từ có số lượng từ xuất hiện, số lượt sử dụng nhiều nhất. Ngoài ra, việc dùng các danh từ chỉ quan hệ xã hội, nghề nghiệp, chức vụ cũng rất đa dạng với 45 loại từ khác nhau, đặc biệt là dùng các từ xưng hô liên quan đến nghề lính như *đồng chí, chiến hữu, đại đội trưởng*... đã tạo nên một sắc thái riêng trong sử dụng ngôn ngữ. Nhóm đại từ xưng hô cũng được sử dụng với số lượng lớn. Hầu như các đại từ trong bảng xưng hô đều xuất hiện trong kịch Lưu Quang Vũ. Phần lớn là sử dụng các đại từ xưng hô mang sắc thái trung hòa về thái độ, tình cảm, rất ít khi các nhân vật tham gia giao tiếp vi phạm quy tắc xưng hô mà luôn có xu hướng đảm bảo tính lịch sự trong giao tiếp. Vì thế, những đại từ biểu thị sự suồng sã, miệt thị, kém lịch sự như: *lũ, gã, thằng, mày, hắn ta, mụ ta*... được sử dụng rất hạn chế. Nhóm tổ hợp từ xưng hô tuy có số lượng ít nhất nhưng lại có nhiều kiểu kết hợp rất mới lạ, độc đáo đã góp phần quan trọng tạo nên đặc sắc trong phong cách ngôn ngữ kịch Lưu Quang Vũ.

5. Việc sử dụng từ ngữ xưng hô của cặp thoại hỏi - trả lời, cầu khiến - hồi đáp trong kịch Lưu Quang Vũ có sự tương đồng khi thể hiện các mối quan hệ liên cá nhân, thể hiện giới tính và đều có sự vận động phụ thuộc vào thái độ, diễn biến của tình cảm trong mối quan hệ giữa các vai giao tiếp. Tuy vậy, do hiệu lực của hành động cầu khiến nên từ xưng hô trong cặp thoại cầu khiến - hồi đáp thường được tạo nên bởi các cặp xưng hô tương ứng chính xác, còn trong cặp hỏi - trả lời thường là các cặp xưng hô tương ứng không chính xác. Từ xưng hô của cặp thoại hỏi - trả lời, cầu khiến hồi đáp trong khẩu ngữ cũng khác so với trong văn học nghệ thuật. Nếu trong đời sống, số lượng cặp tương tác xưng hô phong phú, đa dạng thì trong văn học nghệ thuật, do sự chi phối của chủ thể nhà văn nên số lượng các cặp xưng hô hạn chế hơn. Việc sử dụng các từ xưng hô mang sắc thái suồng sã, thân mật, kém lịch sự và mang đặc trưng vùng miền được giao tiếp hàng ngày sử dụng nhiều hơn, thì trong tác phẩm văn học, từ xưng hô mang sắc thái lịch sự, toàn dân chiếm ưu thế.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG LUẬN ÁN

1. Đàm Thị Ngọc Ngà (2011), "Hành động cầu khiến qua lời thoại nhân vật trong *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* của Lưu Quang Vũ", *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Vinh, tập 40, số 3B - 2011, tr. 40 - 48.
2. Đàm Thị Ngọc Ngà (2014), "Từ xưng hô qua lời thoại nhân vật trong kịch Lưu Quang Vũ", Kỷ yếu Hội thảo khoa học cán bộ trẻ các trường Đại học Sư phạm toàn quốc, tr. 240 - 247.
3. Đàm Thị Ngọc Ngà (2015), "Hành động hỏi qua lời thoại nhân vật trong vở kịch *Tôi và chúng ta* của Lưu Quang Vũ", *Tạp chí Giáo dục*, số 3, tr. 122 - 125.
4. Đàm Thị Ngọc Ngà (2016), "Đặc điểm lời thoại nhân vật trong kịch Lưu Quang Vũ", *Tạp chí Từ điển học & Bách khoa thư*, Số 1, tr. 94 - 99
5. Đàm Thị Ngọc Ngà (2016), "Phân loại từ ngữ xưng hô trong kịch Lưu Quang Vũ", *Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống*, số 2, tr. 90 - 94.
6. Đàm Thị Ngọc Ngà (2016), "Nhân vật trong kịch Lưu Quang Vũ", *Tạp chí Khoa học,* Trường Đại học Vinh, Tập 44, số 3B - 2015, tr. 28 - 34.

Luận án được hoàn thành tại Trường Đại học Vinh

Người hướng dẫn khoa học:

GS.TS. Đỗ Thị Kim Liên

Phản biện 1: .....

.....

Phản biện 2: .....

.....

Phản biện 3: .....

.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Trường
họp tại Trường Đại học Vinh

vào hồi …… giờ …… phút, ngày …… tháng …… năm

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam;
- Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào thuộc Trường Đại học Vinh.